

Số: /TB-UBND Thạch Quảng, ngày tháng năm 2026

**THÔNG BÁO NIÊM YẾT CÔNG KHAI
Danh sách chi trả trợ cấp người có công 6 tháng cuối năm 2026**

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng; số 55/2023/NĐ-CP ngày 21/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ; số 77/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 55/2023/NĐ-CP ngày 21/7/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 08/01/2026 về việc phê duyệt bổ sung kinh phí thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 190/TB-STC ngày 09/01/2026 của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa về việc bổ sung có mục tiêu ngân sách nhà nước năm 2026.

UBND xã niêm yết công khai danh sách chi trả trợ cấp người có công 6 tháng cuối năm 2026 cụ thể như sau:

1. Thời gian niêm yết công khai: 6 tháng, kể từ tháng 6 năm 2026 đến hết tháng 12 năm 2026.

2. Địa điểm niêm yết: Tại Trụ sở UBND xã Thạch Quảng, các thôn, Trang Thông tin điện tử xã Thạch Quảng. Trong thời hạn niêm yết cá nhân nào không đồng ý với các nội dung niêm yết thì gửi đơn đến UBND xã Thạch Quảng qua Phòng Văn hóa Xã hội (*Bà Trần Thị Dung, chuyên viên Phòng VHXXH*) để giải quyết theo quy định. Các đề nghị sau thời gian niêm yết công khai sẽ không được xem xét giải quyết.

(Danh sách chi trả trợ cấp kèm theo)

UBND xã Thạch Quảng trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Các phòng chuyên môn UBND xã;
- Các thôn trên địa bàn;
- Lưu VP, VHXXH./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Mạnh

DANH SÁCH CHI TRẢ TRỢ CẤP HÀNG THÁNG
Tháng 06 Năm 2026

Xã Thạch Quảng

S TT	Họ và tên	Số sổ lĩnh tiền	Số tiền trợ cấp tháng này	Chưa trả tháng trước		Tổng số tiền trợ cấp	Người nhận	
				Số tháng	Số tiền		Ký	Họ tên
Tổng cộng			168.923.000		0	168.923.000		
TB suy giảm KNLD từ 21-60%			17.275.000		0	17.275.000		
1	Nguyễn Văn Định	728	2.580.000			2.580.000		Nguyễn Văn Nhuận - 3504205471183- Agribank
2	Bùi Phát Huy	27235	2.580.000			2.580.000		Bùi Văn Doãn - 6001205301468 - Agribank
3	Phan Văn Cát	584	2.755.000			2.755.000		Phan Văn Hải - 3507215038245- Agribank
4	Nguyễn Tuấn Thao	3047/102	1.878.000			1.878.000		Nguyễn Thị Huệ - 3507205165570- Agribank
5	Bùi Văn Nhận	34	4.369.000			4.369.000		Trần Thị Hiền - 3504205512013- Agriank
6	Phạm Ngọc Chính	540	3.113.000			3.113.000		Bùi Thị Huệ - 106878067838 - Viettinbank
TB suy giảm KNLD từ 61-80%			12.304.000		0	12.304.000		
1	Bùi Quang Ảnh	17733	6.152.000			6.152.000		Bùi Thị Yến - 3008205102291 - Agribank
2	Bùi Đức Lâm	1306	6.152.000			6.152.000		Nguyễn Thị Thúy - 104868626419- Viettinbank
TB suy giảm KNLD từ 81% trở lên			9.341.000		0	9.341.000		
1	Nguyễn Văn Đức	18677	9.341.000			9.341.000		Nguyễn Thị Anh - 3507205362016- Agribank
BB suy giảm KNLD từ 61-70%			53.240.000		0	53.240.000		

1	Nguyễn Đức Thảo		5.324.000			5.324.000		Trương Thị Thoa - 3507215038382- Agribank
2	Bùi Văn Vượng	122655	5.324.000			5.324.000		Bùi Đức Tiến- 919811981999-MB bank
3	Nguyễn Trọng Quang	23282	5.324.000			5.324.000		Nguyễn Trọng Quỳnh -8888393103342- Agribank
4	Bùi Đình Tích	21238	5.324.000			5.324.000		Bùi Thị Lĩnh - 104882201259- Viettinbank
5	Trương Xuân Đương	57521	5.324.000			5.324.000		Trương Văn Thắng - 3507198785555- Agribank
6	Bùi Kính Vịnh	8083	5.324.000			5.324.000		Nguyễn Văn Vượng -0867925789-MB Bank
7	Trịnh Văn Đạm	13372	5.324.000			5.324.000		0916012656 - Ngân hàng Viettinbank
8	Nguyễn Trọng Ngát	67094	5.324.000			5.324.000		Nguyễn Thị Thắm - 0386514097-VP Bank
9	Nguyễn Tuấn Thao	88393	5.324.000			5.324.000		Nguyễn Thị Huệ - 3507205165570- Agribank
10	Trần Tuấn Chung	65126	5.324.000			5.324.000		Võ Thị Len - 9704229266213128- MB bank
Người phục vụ TB, TBB 81% trở lên ở gia đình			2.789.000		0	2.789.000		
1	Nguyễn Văn Đức		2.789.000			2.789.000		Nguyễn Thị Anh - 3507205362016- Agribank
Tuất 1 liệt sỹ			25.101.000		0	25.101.000		
1	Bùi Thị Kịch	649	2.789.000			2.789.000		Nguyễn Thị Thu Chanh -0971478606 - MB Bank
2	Bùi Thị Tấn	2946	2.789.000			2.789.000		Bùi Thị Bẩy - 3507205175732 - Agribank
3	Quách Thị Minh	31586	2.789.000			2.789.000		Bùi Đình Chính - 1021136274 Vietcombank
4	Bùi Thị Bông	39151	2.789.000			2.789.000		Nguyễn Thị Huyền Diệu - 3507215041522 -Agribank

5	Bùi Thị Huy	43633	2.789.000			2.789.000		Bùi Thị Quang - 350731975999 - Agirbank
6	Phạm Thị Mai	42218	2.789.000			2.789.000		Phạm Thị Mai - 3504205543630- Agribank
7	Nguyễn Thị Vinh	34356	2.789.000			2.789.000		Quách Văn Vui - 3504205542746- Agribank
8	Nguyễn Thị Đâu	B31223	2.789.000			2.789.000		Bùi Ngọc Luyến - 0011172801-Ngân hàng chính sách xã hội
9	Bùi Thị Kị	35899	2.789.000			2.789.000		Nguyễn Thị Nhung- 3504208008394- agribank
Tuất 1 liệt sỹ hưởng ĐXND			5.020.000		0	5.020.000		
1	Đình Thị Quang	5937	5.020.000			5.020.000		Trương Văn Tinh - 0972614981-MB bank
Tuất vợ (chồng) lấy chồng (vợ) khác			16.734.000		0	16.734.000		
1	Bùi Thị Sơn	80	2.789.000			2.789.000		Bùi Thị Nụ - 32821487- Ngân hàng ACB
2	Hoàng Thị Thiện	1329	2.789.000			2.789.000		Cao văn Hưng - 8857494389-BIDV
3	Quách Thị Bắc	1494	2.789.000			2.789.000		Quách Thị Bắc - 0337368204-MB bank
4	Tạ Thị Lan	462	2.789.000			2.789.000		Phạm văn Tiến - 3531205099624 - Agribank
5	Nguyễn Thị Thơm	727	2.789.000			2.789.000		Trương Văn Linh- 108873154854- Viettinbank
6	Nguyễn Thị Hồng	1937	2.789.000			2.789.000		Trương Văn Tinh - 0972614981-MB bank
Tuất TB, TB B từ 61% trở lên hưởng ĐXCĐ			4.695.000		0	4.695.000		
1	Trương Thị Tường Vi	624	1.565.000			1.565.000		Bùi Thị Hồng - 3003588881985- Agribank
2	Nguyễn Thị Dương	164	1.565.000			1.565.000		Bùi Thị Thủy - 103872121122 - Viettinbank
3	Nguyễn Thị Muộn	4487	1.565.000			1.565.000		Nguyễn Thị Chanh - 8841613190-BIDV

Bị mắc bệnh suy giảm KNLĐ từ 41% - 60%			3.542.000		0	3.542.000	
1	Lê Xuân Mậu	4461	3.542.000			3.542.000	Lê Xuân Sơn - 5012785216-BIDV
Con bị DDDT, SGK NLĐ từ 61% đến 80%			5.019.000		0	5.019.000	
1	Đinh Thị Quế	6816	1.673.000			1.673.000	Bùi Thị Bảy - 3507205175732 - Agribank
2	Bùi Thị Vy	1917	1.673.000			1.673.000	Bùi Thị Nghĩa - 31484327 -ACB
3	Lê Thị Thanh	1833	1.673.000			1.673.000	Lê Xuân Sơn - 5012785216-BIDV
Con bị DDDT, SGK NLĐ từ 81% trở lên			8.367.000			8.367.000	
1	Bùi Văn Thắng	4297	2.789.000			2.789.000	Bùi Thị Nghĩa - 31484327 -ACB
2	Nguyễn Thị Ngân	2862	2.789.000			2.789.000	Trương Thái Nguyên - 3507205206548- Agribank
3	Nguyễn Thị Hoài	1835	2.789.000			2.789.000	Nguyễn Thị Nga - 1017921149- Vietcombank
Quân nhân xuất ngũ từ 15 đến dưới 16 năm CT			2.628.000			2.628.000	
1	Bùi Văn Vinh	1940	2.628.000			2.628.000	Bùi Văn Vinh- 3504208008365- Agribank
Quân nhân xuất ngũ từ 17 đến dưới 18 năm CT			2.868.000			2.868.000	
1	Nguyễn Minh Hán	1314	2.868.000			2.868.000	Nguyễn Minh Hán - 3507215040940 - Agribank
Ấn định: Số người:		48	Số tiền	168.923.000			
						
<i>Số tiền bằng chữ: Một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng</i>							